TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-8-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Vinh

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 241/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; căn cước công dân số: 031088016145; nơi cư trú: Thôn Ngọc Khê, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đồng Thị X, sinh năm 1990; căn cước công dân số: 031190022316; nơi đăng ký thường trú: Thôn Ngọc Khê, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn An Sơn 1, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 04 tháng 5 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Đồng Thị X trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng ngày 10/02/2015. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung không thống nhất, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong quan hệ tình cảm nên vợ chồng thường xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Do mâu thuẫn anh và chị Xinh đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh Toàn nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đồng Thị X. Anh và chị Xinh có 02 con chung tên Nguyễn Gia Khánh, sinh ngày 29/5/2016 và Nguyễn Lam Anh, sinh ngày 14/12/2019. Khi ly hôn anh Toàn xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu chị Xinh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh và chị Xinh không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 03 tháng 6 năm 2026, bị đơn chị Đồng Thị X trình bày:

Chị Đồng Thị X kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2015. Nay do mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm nên chị Xinh đồng ý ly hôn anh Toàn. Chị và anh Toàn có 02 con chung tên Nguyễn Gia Khánh, sinh ngày 29/5/2016 và Nguyễn Lam Anh, sinh ngày 14/12/2019. Khi ly hôn chị Xinh xin được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Lam Anh, để anh Toàn trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Gia Khánh. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh Toàn tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị và anh Toàn không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X. Giao con chung tên Nguyễn Gia Khánh, sinh ngày 29/5/2016 cho anh Nguyễn Văn T; giao con chung tên Nguyễn Lam Anh, sinh ngày 14/12/2019 cho chị Đồng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin cư trú; Bản tự khai; Đơn nguyện vọng của con chung; Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Đồng Thị X cư trú tại xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/02/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong quan hệ tình cảm dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng ngày càng căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng anh Toàn và chị Xinh đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh Toàn xin ly hôn, chị Xinh đồng ý vì tình

cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đồng Thị X.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X có 02 con chung tên Nguyễn Gia Khánh, sinh ngày 29/5/2016 và Nguyễn Lam Anh, sinh ngày 14/12/2019. Khi ly hôn anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị Xinh cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Chị Đồng Thị X có nguyện vọng mỗi người nuôi một con chung, chị Xinh xin nuôi con chung tên Nguyễn Lam Anh, để anh Toàn nuôi con chung tên Nguyễn Gia Khánh. Hội đồng xét xử xét thấy anh Toàn và chị Xinh đều là lao động có thu nhập và có chỗ ở, điều kiện chăm sóc nuôi dạy con chung. Nếu giao cả 02 con chung cho anh Toàn nuôi dưỡng như yêu cầu khởi kiện sẽ gây gánh nặng quá lớn về kinh tế và quỹ thời gian chăm sóc con chung cho anh Toàn, đồng thời tước bỏ quyền trực tiếp chăm sóc con chung của chị Xinh. Mặt khác, cháu Nguyễn Lam Anh là con gái, đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý, cần có sự bảo ban chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo tốt nhất quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cho anh Toàn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia Khánh và giao cho chị Xinh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lam Anh là phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đảm bảo cho các con đều nhận được sự giáo dục trực tiếp từ cha và mẹ. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đối với yêu cầu buộc chị Xinh cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng của anh Toàn: Do Tòa án đã quyết định giao mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Xét thấy mức thu nhập và điều kiện kinh tế của hai bên đương sự là tương đương nhau. Chi phí thực tế để mỗi bên nuôi dưỡng một con chung, ổn định cuộc sống là ngang bằng. Để đảm bảo tính cân bằng về nghĩa vụ tài chính, mỗi bên tự chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình nuôi dưỡng con chung mình trực tiếp chăm sóc. Vì vậy, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng bù trừ qua lại giữa các bên. Yêu cầu cấp dưỡng

3.000.000 đồng/tháng của anh Nguyễn Văn T là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia Khánh, sinh ngày 29/5/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Lam Anh, sinh ngày 14/12/2019 cho chị Đồng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

4. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006280 ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- UBND xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà